

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phân cấp thực hiện tiếp nhận đăng ký giá, kê khai giá sữa  
và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi  
trên địa bàn tỉnh An Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;*

*Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BCT ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ Công Thương quy định về đăng ký giá, kê khai giá sữa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 1961/TTr-SCT ngày 31 tháng 10 năm 2017.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định về việc thực hiện đăng ký giá, kê khai giá sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi và kê khai giá thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi. Danh mục sữa, thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 do Bộ Y tế ban hành.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Thương nhân sản xuất, kinh doanh sữa, thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi.

b) Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về quản lý giá.

**Điều 2. Phân cấp việc tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá, kê khai giá sữa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi**

1. Phân cấp cho Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá, kê khai giá sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi và Biểu mẫu kê khai giá thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi đối với thương nhân kinh doanh trên địa bàn.

2. Biểu mẫu có liên quan áp dụng theo Thông tư số 08/2017/TT-BCT.

**Điều 3. Trách nhiệm Sở Công Thương**

1. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố công bố, triển khai, hướng dẫn và theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

2. Tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho cán bộ chuyên môn cấp huyện về trình tự, thủ tục, công tác tiếp nhận đăng ký giá, kê khai giá sữa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi theo quy định.

3. Phối hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh công bố, cập nhật bổ sung thủ tục hành chính theo quy định tại Quyết định phân cấp này vào Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền chung áp dụng tại cấp huyện.

4. Định kỳ vào ngày 01 tháng 7 hàng năm hoặc trường hợp đột xuất, Sở Công Thương tổng hợp, rà soát danh sách các doanh nghiệp, hộ kinh doanh thực hiện đăng ký giá, kê khai giá sữa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh danh sách doanh nghiệp, hộ kinh doanh thực hiện đăng ký giá, kê khai giá.

5. Phối hợp với phòng chuyên môn các huyện, thị xã, thành phố kiểm tra, giám sát việc thực hiện giá bán trên thị trường của doanh nghiệp, hộ kinh doanh đã đăng ký hoặc kê khai giá theo thẩm quyền.

6. Công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Sở Công Thương danh sách thương nhân kinh doanh sữa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi.

7. Thực hiện chế độ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Công Thương theo quy định.

**Điều 4. Trách nhiệm Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố**

1. Chỉ đạo phòng, ban chuyên môn cấp huyện, thị, thành triển khai thực hiện:

a) Tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá, kê khai giá của thương nhân kinh doanh sữa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi theo Quyết định phân công này.

b) Hướng dẫn thương nhân kinh doanh sữa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi trong việc thực hiện các thủ tục đăng ký giá, kê khai giá sữa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi.

c) Tổ chức, thực hiện lưu giữ hồ sơ đăng ký giá, kê khai giá theo quy định.

d) Báo cáo tình hình tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá, kê khai giá về Sở Công Thương và các Sở, ngành liên quan hàng năm hoặc trường hợp đột xuất khi có yêu cầu.

đ) Thực hiện chế độ báo cáo trước ngày 15 tháng 12 hàng năm về Sở Công Thương về tình hình tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá, kê khai giá sữa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi trên địa bàn.

2. Tổ chức, tuyên truyền, thông báo đến các thương nhân kinh doanh sữa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi trên địa bàn biết, thực hiện theo quyết định này.

3. Niêm yết, công khai trình tự, thủ tục tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá, kê khai giá sữa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.

4. Chủ trì, phối hợp với Sở, ngành liên quan kiểm tra, giám sát thương nhân kinh doanh sữa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi trên địa bàn tuân thủ các điều kiện theo quy định.

#### **Điều 5. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2017.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm soát TTHC, Bộ Tư pháp;
- TT. TU, HĐND tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử AG;
- TTCB-TH;
- LĐVP, KTN;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**(Đã ký)**

**Lê Văn Nung**

**Phụ lục số 01**

(Ban hành theo Thông tư số 08/2017/TT-BCT)

**BIỂU MẪU ĐĂNG KÝ GIÁ**

**Tên đơn vị đăng ký giá**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số ...../ .....

... , ngày ... tháng ... năm ....

V/v: đăng ký giá

Kính gửi: (Tên cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá)

Thực hiện Thông tư số .....ngày..... của Bộ Công Thương.

... (tên đơn vị đăng ký) gửi Biểu mẫu đăng ký giá ..... gồm các văn bản và nội dung sau:

1. Bảng đăng ký mức giá bán cụ thể.

2. Giải trình lý do điều chỉnh giá (trong đó có giải thích việc tính mức giá cụ thể áp dụng theo các hướng dẫn, quy định về phương pháp tính giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành)

Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày ... / ... /.....

... (tên đơn vị đăng ký) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà đơn vị đã đăng ký./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

- Lưu:

**(Ký tên, đóng dấu)**

- Họ tên người nộp Biểu mẫu:.....

- Số điện thoại liên lạc: .....

- Số fax: .....

**Ghi nhận ngày nộp Biểu mẫu đăng ký giá  
của cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá**

1. (Cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá ghi ngày, tháng, năm nhận được Biểu mẫu đăng ký giá và đóng dấu công văn đến)

2. Hết thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày trên, nếu cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu không có ý kiến yêu cầu tổ chức, cá nhân không được thực hiện mức giá đăng ký mới hoặc phải giải trình về các nội dung của Biểu mẫu thì tổ chức, cá nhân được mua, bán theo mức giá đăng ký.



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

## BẢNG ĐĂNG KÝ MỨC GIÁ BÁN CỤ THỂ

Doanh nghiệp là đơn vị (sản xuất hay dịch vụ).....

[illegible]

(Ghi chú: Doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu đăng ký giá bán buôn thực tế của mình cùng với giá bán lẻ khuyến nghị)

Tên đơn vị thực hiện  
đăng ký giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.....năm .....

**THUYẾT MINH CƠ CẤU TÍNH GIÁ  
HÀNG HÓA ĐĂNG KÝ GIÁ**

(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)

**(Đối với mặt hàng nhập khẩu)**

Tên hàng hóa, dịch vụ:

Đơn vị sản xuất, kinh doanh:

Quy cách phẩm chất; điều kiện bán hàng hoặc giao hàng; chính sách khuyến mại, giảm giá, chiết khấu cho các đối tượng khách hàng (nếu có)

**I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA NHẬP KHẨU  
CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA**

| STT      | Khoản mục chi phí                                              | Đơn vị<br>tính | Thành<br>tiền | Ghi<br>chú |
|----------|----------------------------------------------------------------|----------------|---------------|------------|
| <b>A</b> | <b>Sản lượng nhập khẩu</b>                                     |                |               |            |
| <b>B</b> | <b>Giá vốn nhập khẩu</b>                                       |                |               |            |
| 1        | Giá mua tại cửa khẩu Việt Nam (giá CIF)                        |                |               |            |
| 2        | Thuế nhập khẩu                                                 |                |               |            |
| 3        | Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)                                |                |               |            |
| 4        | Các khoản thuế, phí khác (nếu có)                              |                |               |            |
| 5        | Các khoản chi bằng tiền khác theo quy định (nếu có)            |                |               |            |
| <b>C</b> | <b>Chi phí chung</b>                                           |                |               |            |
| 6        | Chi phí tài chính (nếu có)                                     |                |               |            |
| 7        | Chi phí bán hàng                                               |                |               |            |
| 8        | Chi phí quản lý                                                |                |               |            |
| <b>D</b> | <b>Tổng chi phí</b>                                            |                |               |            |
| <b>Đ</b> | <b>Giá thành toàn bộ 01 (một) đơn vị sản phẩm</b>              |                |               |            |
| <b>E</b> | <b>Lợi nhuận dự kiến</b>                                       |                |               |            |
| <b>G</b> | <b>Thuế giá trị gia tăng, thuế khác (nếu có) theo quy định</b> |                |               |            |
| <b>H</b> | <b>Giá bán dự kiến</b>                                         |                |               |            |

## **II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA**

1. Giá mua tại cửa khẩu Việt Nam (giá CIF)
2. Thuế nhập khẩu
3. Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
4. Các khoản thuế, phí khác (nếu có)
5. Các khoản chi bằng tiền khác theo quy định (nếu có)
6. Chi phí tài chính (nếu có)
7. Chi phí bán hàng
8. Chi phí quản lý
9. Lợi nhuận dự kiến
10. Thuế giá trị gia tăng, thuế khác (nếu có) theo quy định
11. Giá bán dự kiến

Tên đơn vị thực hiện  
đăng ký giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.....năm .....

**THUYẾT MINH CƠ CẤU TÍNH GIÁ  
HÀNG HÓA ĐĂNG KÝ GIÁ**

(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)

(Đối với mặt hàng sản xuất trong nước)

Tên hàng hóa, dịch vụ:

Đơn vị sản xuất, kinh doanh:

Quy cách phẩm chất; điều kiện bán hàng hoặc giao hàng; chính sách khuyến mại, giảm giá, chiết khấu cho các đối tượng khách hàng (nếu có)

**I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ**

| Số TT    | Khoản mục chi phí                       | ĐVT | lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|----------|-----------------------------------------|-----|-------|---------|------------|
| <b>1</b> | <b>Chi phí sản xuất:</b>                |     |       |         |            |
| 1.1      | Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp |     |       |         |            |
| 1.2      | Chi phí nhân công trực tiếp             |     |       |         |            |
| 1.3      | <b>Chi phí sản xuất chung:</b>          |     |       |         |            |
| a        | <i>Chi phí nhân viên phân xưởng</i>     |     |       |         |            |
| b        | <i>Chi phí vật liệu</i>                 |     |       |         |            |
| c        | <i>Chi phí dụng cụ sản xuất</i>         |     |       |         |            |
| d        | <i>Chi phí khấu hao TSCĐ</i>            |     |       |         |            |
| đ        | <i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>        |     |       |         |            |
| e        | <i>Chi phí bằng tiền khác</i>           |     |       |         |            |
|          | Tổng chi phí sản xuất :                 |     |       |         |            |
| <b>2</b> | Chi phí bán hàng                        |     |       |         |            |
| <b>3</b> | Chi phí quản lý doanh nghiệp            |     |       |         |            |
| <b>4</b> | Chi phí tài chính                       |     |       |         |            |
|          | Tổng giá thành toàn bộ                  |     |       |         |            |
| <b>5</b> | <b>Lợi nhuận dự kiến</b>                |     |       |         |            |
|          | <b>Giá bán chưa thuế</b>                |     |       |         |            |
| <b>6</b> | <b>Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)</b>  |     |       |         |            |

|   |                                |  |  |  |  |
|---|--------------------------------|--|--|--|--|
| 7 | Thuế giá trị gia tăng (nếu có) |  |  |  |  |
|   | Giá bán (đã có thuế)           |  |  |  |  |

## II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA

1. Chi phí sản xuất
2. Chi phí bán hàng
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp
4. Chi phí tài chính
5. Lợi nhuận dự kiến
6. Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
7. Thuế giá trị gia tăng (nếu có)
8. Giá bán (đã có thuế)

**Phụ lục số 02**

(Ban hành theo Thông tư số 08/2017/TT-BCT)

**MẪU VĂN BẢN KÊ KHAI GIÁ**

**Tên đơn vị thực hiện  
kê khai giá**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số ...../.....  
V/v kê khai giá hàng hóa,  
dịch vụ bán trong nước

....., ngày ... tháng ... năm .....

Kính gửi: ....(tên cơ quan tiếp nhận Văn bản kê khai giá....)

Thực hiện Thông tư số ..... ngày ..... của Bộ Công  
Thương.

... (tên đơn vị kê khai giá) gửi Bảng kê khai mức giá hàng hoá, dịch vụ bán trong  
nước (đính kèm).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày .... / .... / .....

... (tên đơn vị kê khai giá) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác  
của mức giá mà chúng tôi đã kê khai./.

**Nơi nhận:**

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

- Như trên;

(Ký tên, đóng dấu)

- Lưu:

- Họ tên người nộp Biểu mẫu: .....

- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai:.....

- Số điện thoại liên lạc:.....

- Email: .....

- Số fax:.....

**Ghi nhận ngày nộp Văn bản kê khai giá  
của cơ quan tiếp nhận**

*(Cơ quan tiếp nhận Văn bản kê khai giá ghi ngày, tháng, năm nhận được Văn  
bản kê khai giá và đóng dấu công văn đến)*

**Tên đơn vị thực hiện  
kê khai giá**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.... tháng... năm .....

**BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ**

*(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)*

1. Mức giá kê khai (bán buôn, bán lẻ): Các mức giá tại các địa bàn, khu vực khác nhau (nếu có).

| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Quy cách, chất lượng | Đơn vị tính | Mức giá kê khai hiện hành | Mức giá kê khai mới | Mức tăng/giảm | Tỷ lệ tăng/giảm | Ghi chú |
|-----|-----------------------|----------------------|-------------|---------------------------|---------------------|---------------|-----------------|---------|
|     |                       |                      |             |                           |                     |               |                 |         |
|     |                       |                      |             |                           |                     |               |                 |         |
|     |                       |                      |             |                           |                     |               |                 |         |

2. Phân tích nguyên nhân, nêu rõ biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá.

3. Ghi rõ các chính sách và mức khuyến mại, giảm giá hoặc chiết khấu đối với các đối tượng khách hàng, các điều kiện vận chuyển, giao hàng, bán hàng kèm theo mức giá kê khai (nếu có).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày .... / .... / .....

**Ghi chú:**

Mức giá kê khai là mức giá bán dự kiến đã trừ chiết khấu, giảm giá (nếu có) đã bao gồm thuế giá trị gia tăng cho 01 đơn vị sản phẩm. Trường hợp lần đầu thực hiện kê khai giá với cơ quan quản lý nhà nước về giá đối với sản phẩm mới thì gửi kèm theo Bảng xây dựng hình thành mức giá bán hàng hóa, dịch vụ.

Doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu kê khai giá bán lẻ khuyến nghị cùng với giá bán buôn thực tế của doanh nghiệp.

**Phụ lục số 03**

(Ban hành theo Thông tư số 08/2017/TT-BCT)

**MẪU THÔNG BÁO MỨC GIÁ**

**Tên đơn vị thực hiện  
thông báo giá**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số ...../.....

V/v thông báo mức giá điều  
chỉnh tăng, giảm giá hàng  
hóa, dịch vụ bán trong nước  
trong phạm vi 5% so với  
mức giá đã kê khai hoặc  
thông báo liền kề trước đó

....., ngày ... tháng ... năm .....

Kính gửi: ....(tên cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu thông báo giá....)

Thực hiện Thông tư số ..... ngày ..... của Bộ Công  
Thương.

... (tên đơn vị thông báo giá) thông báo mức giá sửa hoặc thực phẩm chức năng  
bán trong nước điều chỉnh trong phạm vi 5% so với mức giá đã kê khai hoặc  
thông báo liền kề trước đó (Bảng thông báo mức giá đính kèm).

Mức giá này thực hiện từ ngày .... / .... / .....

... (tên đơn vị thông báo giá) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính  
xác của mức giá mà chúng tôi đã thông báo./.

**Nơi nhận:**

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

- Như trên;

(Ký tên, đóng dấu)

- Lưu:

- Họ tên người nộp Biểu mẫu: .....

- Địa chỉ đơn vị thông báo giá: .....

- Số điện thoại liên lạc: .....

- Email: .....



- Số fax:.....

**Ghi nhận ngày nộp Thông báo mức giá  
của cơ quan tiếp nhận**

*(Cơ quan tiếp nhận Văn bản kê khai giá ghi ngày, tháng, năm nhận được Thông báo mức giá và đóng dấu công văn đến)*

**Tên đơn vị thực hiện      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**thông báo giá                      Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.... tháng... năm .....

**BẢNG THÔNG BÁO GIÁ BÁN LẺ  
TRONG NƯỚC**

*(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)*

1. Thông báo giá bán lẻ trong nước: Các mức giá tại các địa bàn, khu vực khác nhau (nếu có).

| ST<br>T | Tên<br>hàng<br>hóa,<br>dịch vụ | Quy<br>cách,<br>chất<br>lượng | Đơn<br>vị<br>tính | Mức giá kê<br>khai/thông<br>báo liên hệ<br>trước | Mức<br>giá<br>thông<br>báo | Mức<br>tăng/<br>giảm | Tỷ lệ<br>tăng/<br>giảm | Ghi<br>chú |
|---------|--------------------------------|-------------------------------|-------------------|--------------------------------------------------|----------------------------|----------------------|------------------------|------------|
|         |                                |                               |                   |                                                  |                            |                      |                        |            |
|         |                                |                               |                   |                                                  |                            |                      |                        |            |
|         |                                |                               |                   |                                                  |                            |                      |                        |            |
|         |                                |                               |                   |                                                  |                            |                      |                        |            |
|         |                                |                               |                   |                                                  |                            |                      |                        |            |

2. Mức giá thông báo này thực hiện từ ngày .... / .... / .....

**Ghi chú:**

Mức giá thông báo là mức giá bán dự kiến đã trừ chiết khấu, giảm giá (nếu có), đã bao gồm thuế giá trị gia tăng cho 01 đơn vị sản phẩm.

#### **Phụ lục số 04**

(Ban hành theo Thông tư số 08/2017/TT-BCT)

### **MẪU THÔNG BÁO HỆ THỐNG PHÂN PHỐI**

**Tên đơn vị thực hiện  
thông báo**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số ...../.....  
V/v thông báo hệ thống phân phối

....., ngày ... tháng ... năm .....

Kính gửi: ....(tên cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu thông báo....)

Thực hiện Thông tư số ..... ngày ..... của Bộ Công Thương.

... (tên đơn vị thông báo) thông báo hệ thống phân phối bán buôn, bán lẻ sản phẩm sữa, thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi (Bảng thông báo đính kèm).

Hệ thống phân phối này cập nhật từ ngày .... / .... / .....

... (tên đơn vị thông báo) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông báo này./.

**Nơi nhận:**

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

- Như trên;

(Ký tên, đóng dấu)

- Lưu:

- Họ tên người nộp Biểu mẫu: .....

- Địa chỉ đơn vị thực hiện thông báo: .....

- Số điện thoại liên lạc: .....

- Email: .....

- Số fax: .....

**Ghi nhận ngày nộp Thông báo**

**của cơ quan tiếp nhận**

(Cơ quan tiếp nhận Văn bản kê khai giá ghi ngày, tháng, năm nhận được Thông báo và đóng dấu công văn đến)

**Tên đơn vị thực hiện  
thông báo giá**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.... tháng... năm .....

### **BẢNG THÔNG BÁO HỆ THỐNG PHÂN PHỐI**

(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)

1. Thông báo hệ thống phân phối:

| <b>STT</b> | <b>TÊN CƠ SỞ KINH<br/>DOANH</b> | <b>ĐỊA CHỈ</b> | <b>SỐ ĐIỆN<br/>THOẠI</b> | <b>GHI CHÚ</b> |
|------------|---------------------------------|----------------|--------------------------|----------------|
|            |                                 |                |                          |                |
|            |                                 |                |                          |                |
|            |                                 |                |                          |                |
|            |                                 |                |                          |                |
|            |                                 |                |                          |                |

2. Hệ thống phân phối cập nhật ngày .... / .... / .....